

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 11-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Lâm;

Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thật - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích M, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C, sinh năm 1992 (vắng mặt) – Phạm Thị Bích T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà N đường Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích M trình bày:

Bà với chị Phạm Thị Bích T có quan hệ bà con (T gọi bà là dì ruột). Trong năm 2016 bà có cho vợ chồng anh chị T – C vay hai lần, một lần 40.000.000đ và một lần 50.000.000đ nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Vào ngày 25/01/2017, bà cho vợ chồng anh chị C – T vay tiếp số tiền 70.000.000đ. Tổng cộng vợ chồng anh chị C – T đã vay của bà số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và có viết giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2017. Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, về thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận khi nào bà cần thì báo trước 02 tháng thì vợ chồng C – T trả hết nợ cho bà. Sau khi viết giấy mượn tiền, vợ chồng T – C đã tự

nguyện đưa tiền lãi cho bà từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017 với số tiền là 4.800.000đ. Sau đó, vào ngày 12/4/2018 vợ chồng C – T đã trả cho bà được 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Hiện nay vợ chồng anh chị C – T còn nợ bà số tiền 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Bà đã đi lại đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh chị C – T không chịu trả nợ số tiền còn lại. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh chị C – T phải trả cho bà số tiền còn nợ là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Việc vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T yêu cầu được trả nợ dần thì bà không chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2019, bị đơn là vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T trình bày:

Vợ chồng anh chị thừa nhận có vay của bà Trần Thị Bích M tổng cộng số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), có viết giấy vay tiền đề ngày 25/01/2017. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 cho đến tháng 11/2017, vợ chồng anh chị luôn đóng cho bà M số tiền 4.800.000đ. Vì công việc làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh chị có xin bà M không trả lãi hai tháng cuối và hứa đến tháng 02/2018 sẽ trả hết số tiền nợ còn lại nhưng bà M không chịu. Đến ngày 12/4/2018 vợ chồng anh chị đã trả cho bà M được 30.000.000đ nợ gốc. Hiện nay vợ chồng anh chị còn nợ bà M số tiền là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Vợ chồng anh chị xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết khoản nợ 130.000.000đ nói trên.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã nhận hợp lệ giấy triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập, diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích M. Buộc vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T phải trả cho bà Trần Thị Bích M số tiền còn nợ là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Không chấp nhận vợ chồng anh chị C –T về việc được trả nợ dần, vì bà M không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích M là loại việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T hiện đang cư trú tại số nhà N đường Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã nhận hợp lệ giấy triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Bích M và vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T đều thừa nhận: Vợ chồng anh chị C - T có vay của bà Trần Thị Bích M số tiền là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và có viết giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2017. Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Về thời hạn trả nợ: Hai bên thỏa thuận là bà M báo trước 02 tháng thì vợ chồng anh chị C - T trả nợ. Vào ngày 12/4/2018 vợ chồng C - T đã trả cho bà M được 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng trước năm 2018, vợ chồng anh chị C - T đưa tiền lãi cho bà M 4.800.000đ. Nay bà M yêu cầu vợ chồng anh chị C - T có nghĩa vụ trả một lần hết số tiền còn nợ là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Vợ chồng anh chị C – T thừa nhận còn nợ bà M số tiền còn lại là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) về khoản vay vào ngày 25/01/2017 nhưng kinh tế gặp khó khăn nên xin được trả dần cho bà M một tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

[3] Với chứng cứ nêu trên, việc bà M yêu cầu vợ chồng anh chị C - T phải trả cho bà số tiền còn nợ là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Không chấp nhận việc vợ chồng anh chị C – T yêu cầu được trả dần cho bà M một tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ số tiền còn nợ 130.000.000đ, vì bà M không đồng ý.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

4.1. Cần buộc vợ chồng anh chị C – Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trong số tiền trả nợ cho bà M ($130.000.000đ \times 5\% = 6.500.000đ$).

4.2. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà M số tiền 3.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009306 ngày 10/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Áp dụng Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Bích M số tiền còn nợ là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) theo giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2017.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh chị Nguyễn Minh C – Phạm Thị Bích T phải chịu 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Bà Trần Thị Bích M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà M số tiền 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm chục nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009306 ngày 10/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Nguyễn Thành Tân